

BÁO CÁO VĨ MÔ

T9/2026

Tăng trưởng khởi sắc, tiến gần hơn tới mục tiêu cả năm

Sức khỏe nền kinh tế

PMI sản xuất

51.9 điểm
T8: 53.3 điểm

Tăng trưởng bán lẻ, dịch vụ *

5,925.7 Nghìn tỷ đồng
+13.4% YoY

Đầu tư công *

642,961 Tỷ đồng
+45.9% YoY

Lạm phát

+5.08 %YoY
T8: +4.89% YoY

Giao thương quốc tế

FDI thực hiện *

21.1 Tỷ USD
+12.1% YoY

FDI đăng ký *

50.4 Tỷ USD
+76.4% YoY

Kim ngạch XNK *

888.0 Tỷ USD
+30.4% YoY

Tỷ giá USDEVND

25,968
-0.4% MoM

Thị trường vốn

Tăng trưởng tín dụng

11.59 %YTD

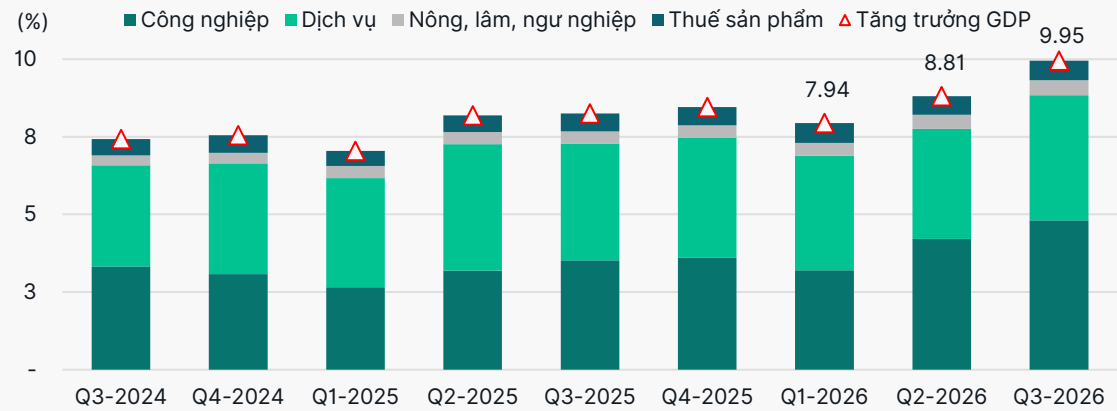
OMO

156,019 Tỷ đồng
-34.3% MoM

Tổng sản phẩm quốc nội

GDP quý 3 ghi nhận mức tăng tích cực, tuy nhiên áp lực kế hoạch năm vẫn duy trì

Diễn biến GDP quý 3 và các yếu tố thúc đẩy
| Đơn vị: % - Nguồn: NSO, Kafi Research

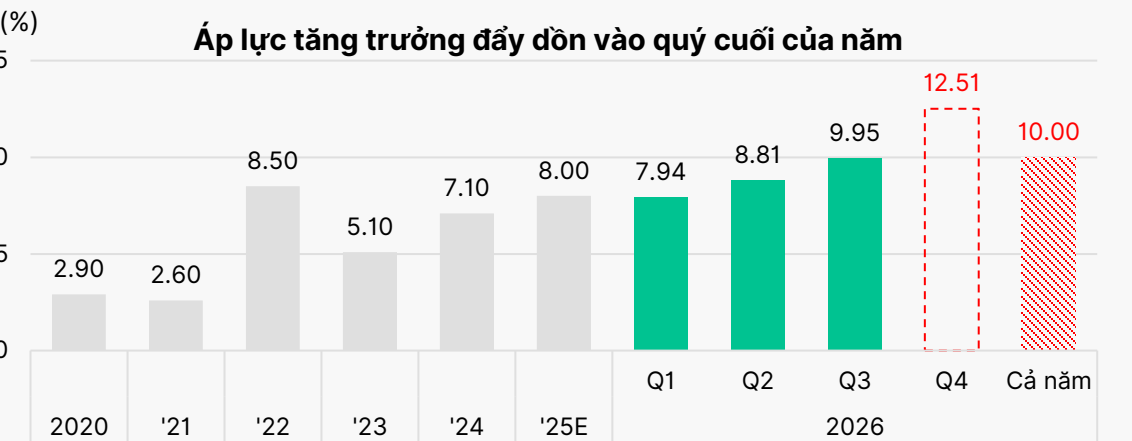
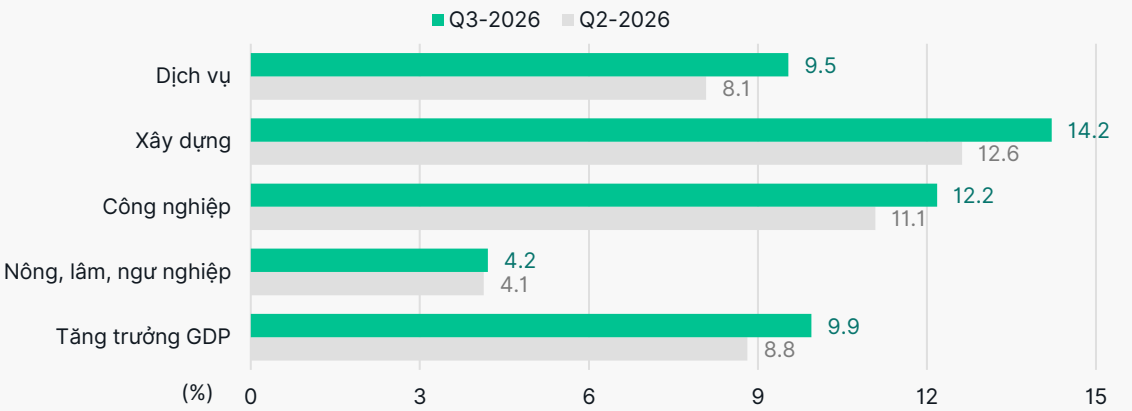


Các cấu phần	Q2-2026	Q3-2026	Đánh giá
TỔNG SỐ	8.81	9.95	Cải thiện
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4.13	4.21	Cải thiện
Lâm nghiệp	4.59	4.00	Suy giảm
Công nghiệp và xây dựng	11.33	12.50	Cải thiện
Công nghiệp	11.09	12.18	Cải thiện
Khai khoáng	9.68	9.47	Suy giảm
Dịch vụ	8.08	9.54	Cải thiện
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	9.47	10.38	Cải thiện
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	8.82	9.84	Cải thiện
Thông tin và truyền thông	7.97	8.89	Cải thiện
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	9.99	10.27	Cải thiện
Hoạt động kinh doanh bất động sản	5.13	5.63	Cải thiện
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	8.49	11.03	Cải thiện
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	9.44	11.95	Cải thiện
Giáo dục và đào tạo	7.67	8.51	Cải thiện
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	8.49	9.08	Cải thiện
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	10.49	10.31	Suy giảm
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	7.48	7.96	Cải thiện

Trung tâm phân tích KAFI

GDP 3Q26 tăng mạnh 9,95% YoY, đưa tăng trưởng 9T26 lên 9,01%, cho thấy đà mở rộng của nền kinh tế tiếp tục được củng cố trong quý III. Động lực tăng trưởng lan tỏa tương đối rộng, trong đó xây dựng tăng khoảng 14,2%, công nghiệp tăng 12,2% và dịch vụ tăng 9,5%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,2%. Đà tăng của công nghiệp và xây dựng tiếp tục được hỗ trợ bởi sản xuất chế biến, chế tạo, đầu tư hạ tầng và tiến độ giải ngân đầu tư công, trong khi tiêu dùng, thương mại và du lịch duy trì vai trò quan trọng đối với khu vực dịch vụ

Tuy nhiên, để GDP cả năm đạt mục tiêu 10%, tăng trưởng 4Q26 cần đạt khoảng 12,51% YoY. Điều này đòi hỏi các động lực hiện tại tiếp tục tăng tốc trong quý cuối năm, trong khi dư địa hỗ trợ chính sách bị thu hẹp bởi áp lực lạm phát và lãi suất



Khu vực sản xuất

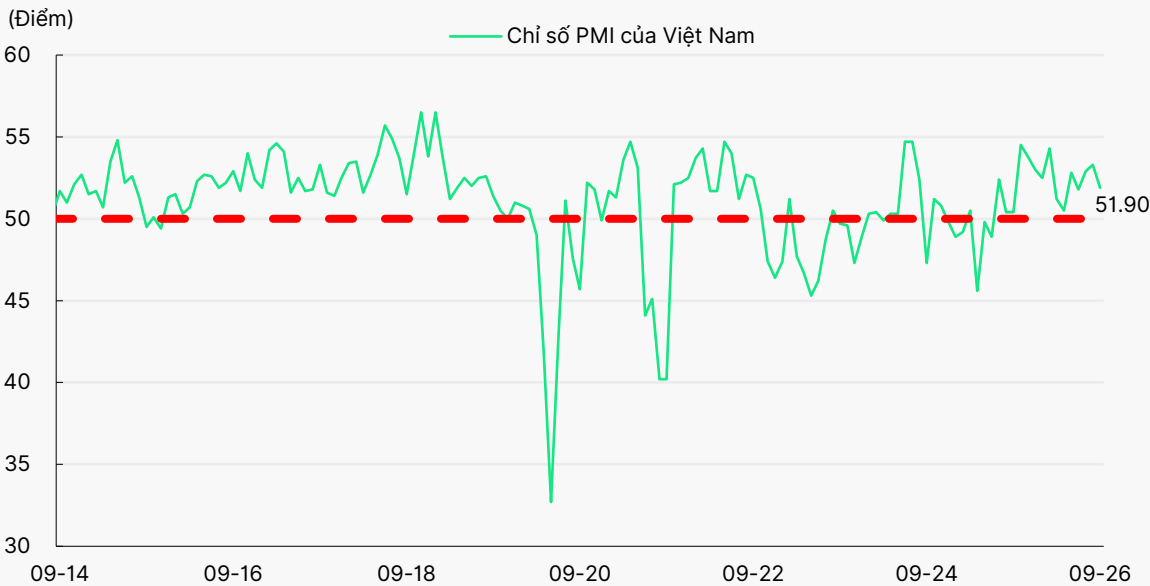
Hoạt động sản xuất duy trì đà tăng mạnh

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9 tăng 16,7% YoY, tiếp tục tăng tốc so với tháng trước và đưa mức tăng lũy kế 9T26 lên 12,3% YoY, cao nhất kể từ năm 2019. Động lực chính tiếp tục đến từ chế biến, chế tạo, với mức tăng tháng 9 đạt 17,1% YoY; khai khoáng tăng 13,4%, sản xuất và phân phối điện tăng 15,5%, trong khi cấp nước và xử lý chất thải tăng 10,3%.

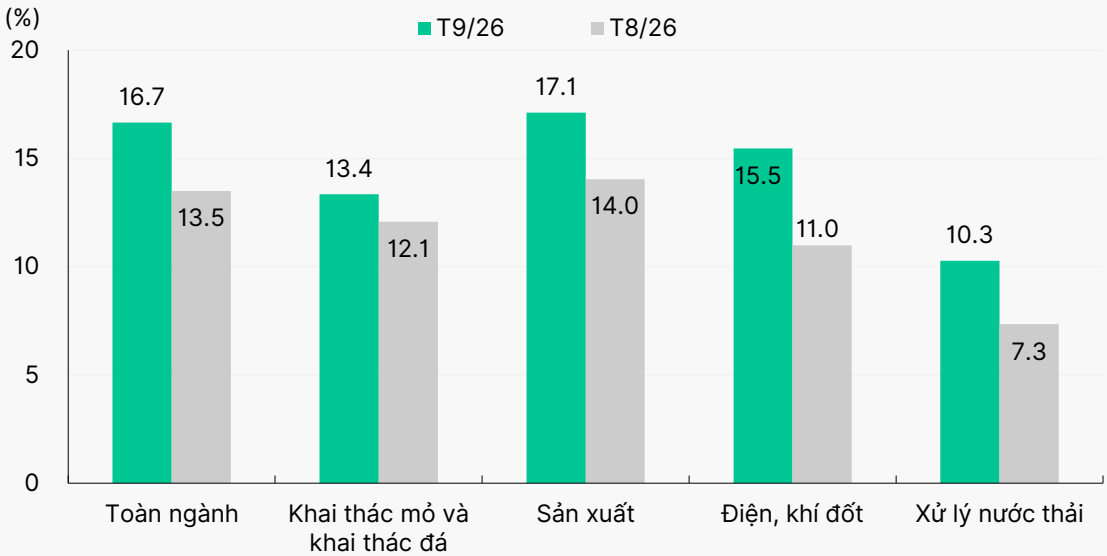
Đà tăng của sản xuất cũng được phản ánh qua PMI duy trì trên ngưỡng 50 tháng thứ 15 liên tiếp, dù giảm từ 53,3 xuống 51,9 điểm trong tháng 9. Sản lượng và đơn hàng mới tiếp tục tăng nhưng chậm lại, trong khi đơn hàng xuất khẩu giảm tháng thứ hai liên tiếp và mạnh nhất kể từ tháng 4. Chi phí đầu vào tiếp tục chịu áp lực từ giá dầu, nhiên liệu và vận tải quốc tế.

Kafi đánh giá sản xuất tiếp tục là một trong những động lực chính của tăng trưởng 3Q26, nhưng dấu hiệu suy yếu của đơn hàng xuất khẩu cho thấy động lực từ bên ngoài cần được theo dõi sát trong những tháng cuối năm.

Chỉ số PMI của Việt Nam
Đơn vị: Điểm - Nguồn: S&P Global, Kafi Research



Tăng trưởng các ngành công nghiệp trong T9/2026
Đơn vị: % - Nguồn: NSO, Kafi Research



Tình hình bán lẻ

Tiêu dùng tiếp tục cải thiện, dịch vụ duy trì vai trò dẫn dắt

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 đạt 690,6 nghìn tỷ đồng, tăng 1,7% MoM và 14,1% YoY. Lũy kế 9T26 đạt 5.925,7 nghìn tỷ đồng, tăng 13,4% YoY; nếu loại trừ yếu tố giá, mức tăng thực đạt 7,8%, cao hơn mức 7,2% của cùng kỳ năm trước.

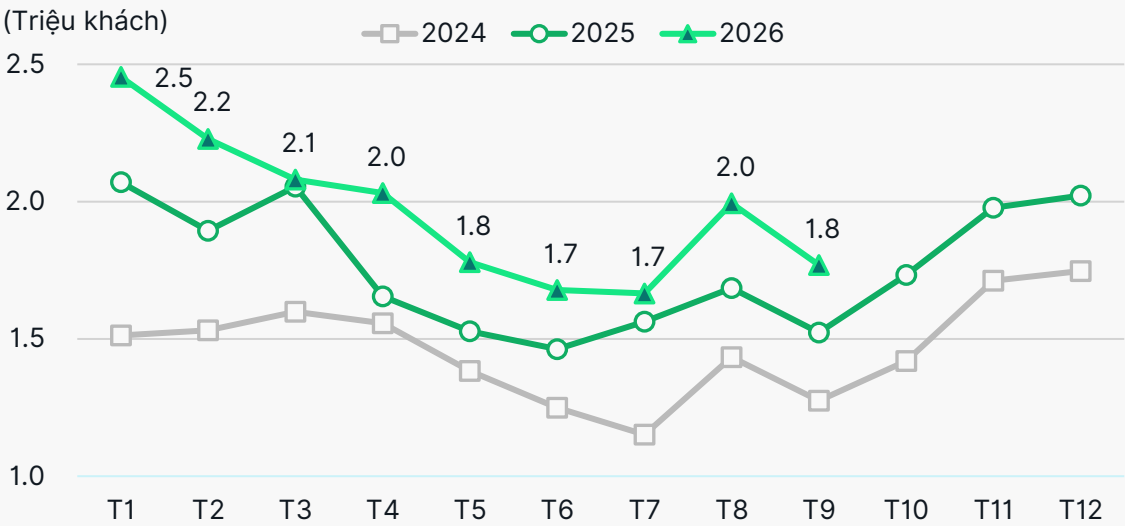
Động lực tiếp tục tập trung ở khu vực dịch vụ, với lưu trú và ăn uống tăng 19,7% YoY và du lịch lữ hành tăng 19,2%, cao hơn mức tăng 13,1% của bán lẻ hàng hóa. Khách quốc tế tháng 9 đạt 1,77 triệu lượt, tăng 16,1% YoY; lũy kế 9 tháng đạt 17,7 triệu lượt, tăng 14,5%.

Kafi đánh giá sức cầu nội địa tiếp tục duy trì tích cực, trong đó dịch vụ và du lịch vẫn là các động lực nổi bật. Mức tăng thực của tiêu dùng cải thiện tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động bán lẻ trong giai đoạn cao điểm cuối năm.

Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng
| Đơn vị % - Nguồn: NSO, Kafi Research

Nhóm hàng	T2/26	T3/26	T4/26	T5/26	T6/26	T7/26	T8/26	T9/26
TỔNG SỐ	11.9	11.5	11.6	13.8	14.3	14.5	14.9	14.1
Bán lẻ hàng hóa	12.3	11.7	11.9	13.2	13.2	13.4	13.6	13.1
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	14.0	12.8	11.8	16.6	18.0	17.9	20.6	19.7
Du lịch lữ hành	15.4	16.9	4.0	13.2	24.2	27.8	24.1	19.2
Dịch vụ khác	6.1	8.3	10.2	15.1	17.0	16.4	15.7	14.5

Khách du lịch quốc tế
| Đơn vị: Lượt khách - Nguồn: NSO, Kafi Research

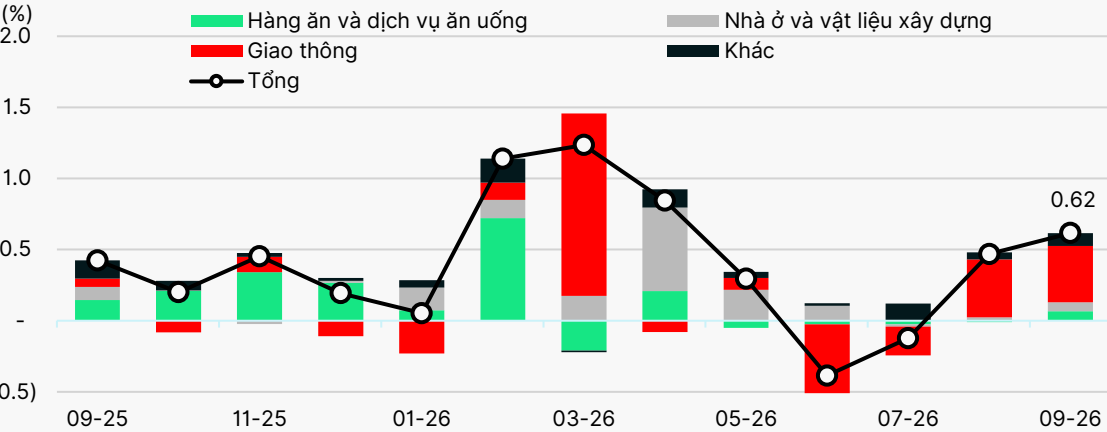


Lạm phát

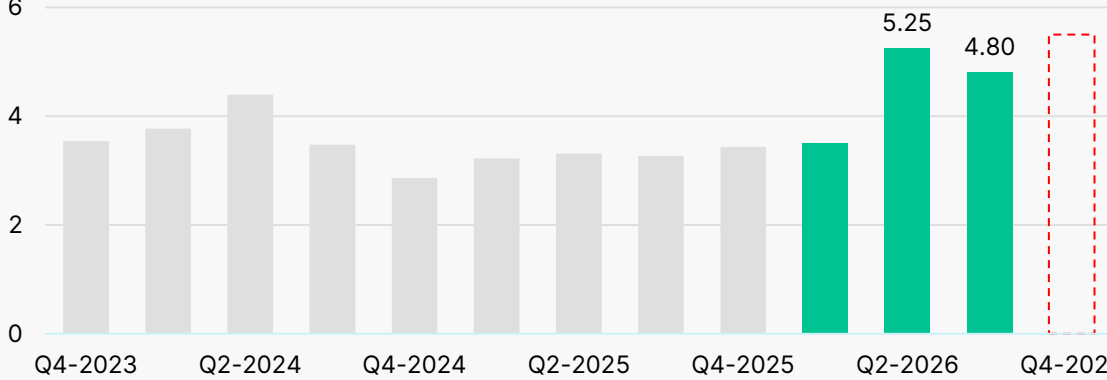
Lạm phát tiếp tục gia tăng trong khi áp lực tăng trưởng GDP và rủi ro địa chính trị dự kiến sẽ khuếch đại áp lực giá vào giai đoạn cuối năm

CPI theo cấu phần đóng góp và diễn biến lạm phát

Đơn vị: % – Nguồn: NSO, Kafi Research

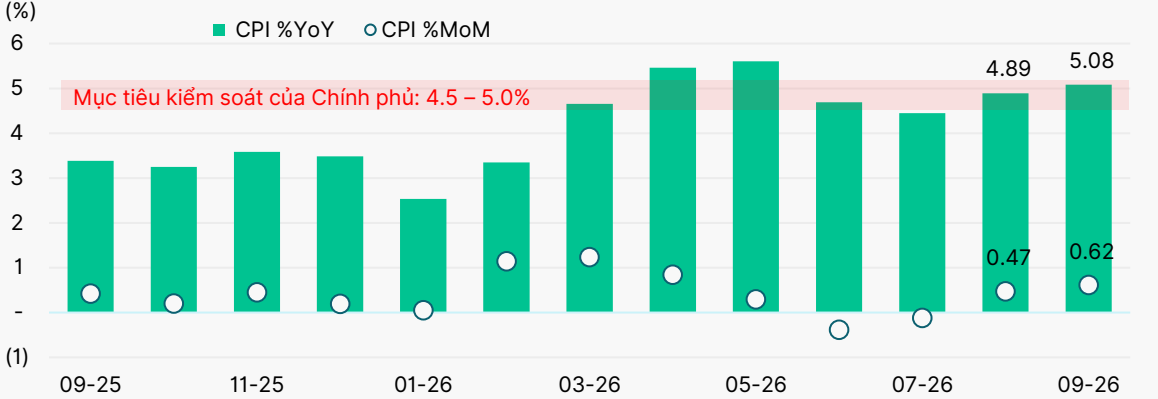


Áp lực lạm phát dự kiến sẽ ở mức cao vào cuối năm



CPI tháng 9 tăng 0,62% MoM và 5,08% YoY, đưa lạm phát bình quân 9T26 lên 4,52%. Áp lực tăng giá tiếp tục tập trung ở nhóm giao thông, tăng 3,97% MoM và đóng góp khoảng 0,40 điểm phần trăm vào CPI chung, chủ yếu do giá xăng tăng 9,39% và dầu diesel tăng 4,53%. Bên cạnh đó, giáo dục tăng 1,41%, trong khi nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,28%, cho thấy áp lực giá đã bắt đầu lan rộng hơn ngoài riêng nhóm năng lượng.

Áp lực lạm phát nhiều khả năng duy trì ở mức cao trong 4Q26. Để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng cả năm, GDP quý IV cần tăng khoảng 12,51% YoY, đồng nghĩa hoạt động đầu tư, xây dựng và tiêu dùng phải tiếp tục tăng tốc, qua đó có thể tạo thêm sức ép lên giá vật liệu xây dựng và các đầu vào sản xuất. Đồng thời, giá năng lượng vẫn là rủi ro lớn khi căng thẳng Trung Đông tiếp tục duy trì mức độ bất định cao đối với nguồn cung. Trong bối cảnh CPI YoY đã vượt 5%, dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ vì vậy sẽ tiếp tục bị giới hạn trong những tháng cuối năm.



Nhóm hàng hóa	Trọng số (%)	% MoM	% YoY
Tổng	100.00	0.62	5.08
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	35.82	0.19	4.44
Đồ uống và thuốc lá	1.75	0.35	4.33
May mặc, mũ nón và giày dép	3.52	0.04	2.19
Nhà ở và vật liệu xây dựng	22.70	0.28	6.47
Thiết bị và đồ dùng gia đình	5.14	0.08	3.27
Thuốc và dịch vụ y tế	4.66	0.24	1.47
Giao thông	9.98	3.97	11.67
Bưu chính viễn thông	3.74	(0.14)	0.33
Giáo dục	5.96	1.41	2.93
Văn hoá, giải trí và du lịch	3.14	(0.28)	3.42
Đồ dùng và dịch vụ khác	3.58	0.10	5.82

Đầu tư công

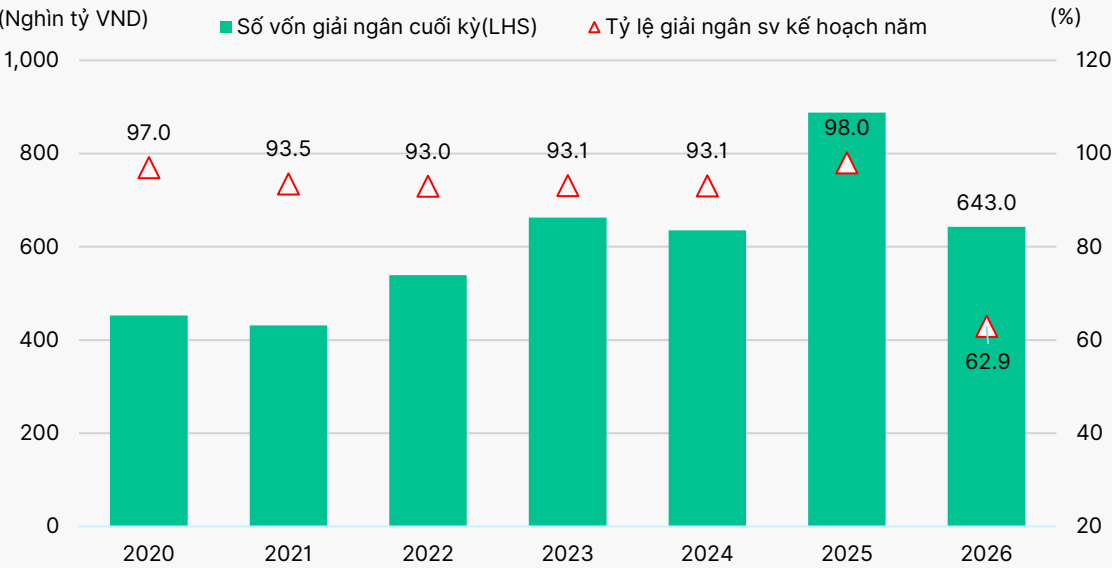
Tốc độ giải ngân tăng nhanh trong tháng 9, thúc đẩy tiến độ hoàn thành kế hoạch cả năm

Giải ngân đầu tư công ghi nhận bước tăng tốc mạnh trong tháng 9, với giá trị thực hiện tăng khoảng 327% YoY, qua đó đưa tiến độ lũy kế lên gần 63% kế hoạch năm. Tốc độ giải ngân lũy kế cao hơn 45,9% so với cùng kỳ 2025 cho thấy dòng vốn đầu tư công đang thực sự bước vào giai đoạn tăng tốc, thay vì chỉ cải thiện dần như các tháng trước.

Diễn biến này củng cố vai trò của đầu tư công như một trong những động lực tăng trưởng chính trong 4Q26, khi khối lượng thi công tại các dự án hạ tầng lớn tiếp tục mở rộng và tạo hiệu ứng lan tỏa sang xây dựng, vật liệu và các ngành liên quan. Tuy nhiên, áp lực hoàn thành phần kế hoạch còn lại trong quý cuối năm vẫn lớn, khiến tiến độ giải phóng mặt bằng, nguồn vật liệu và khả năng triển khai tại từng địa phương tiếp tục là những yếu tố cần theo dõi.

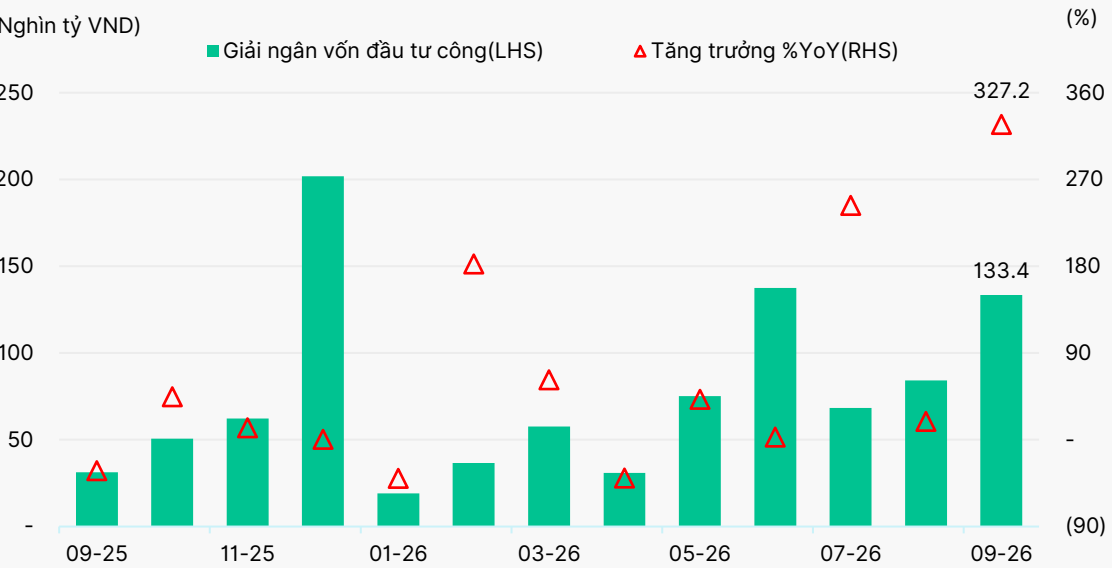
Tình hình giải ngân đầu tư công qua các năm

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: Bộ Tài chính, Kafi Research



Tình hình giải ngân đầu tư công qua các tháng

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: Bộ Tài chính, Kafi Research



Vốn đầu tư từ nguồn NSNN

Khối lượng thực hiện tiếp tục tăng tốc, chủ yếu được dẫn dắt bởi địa phương

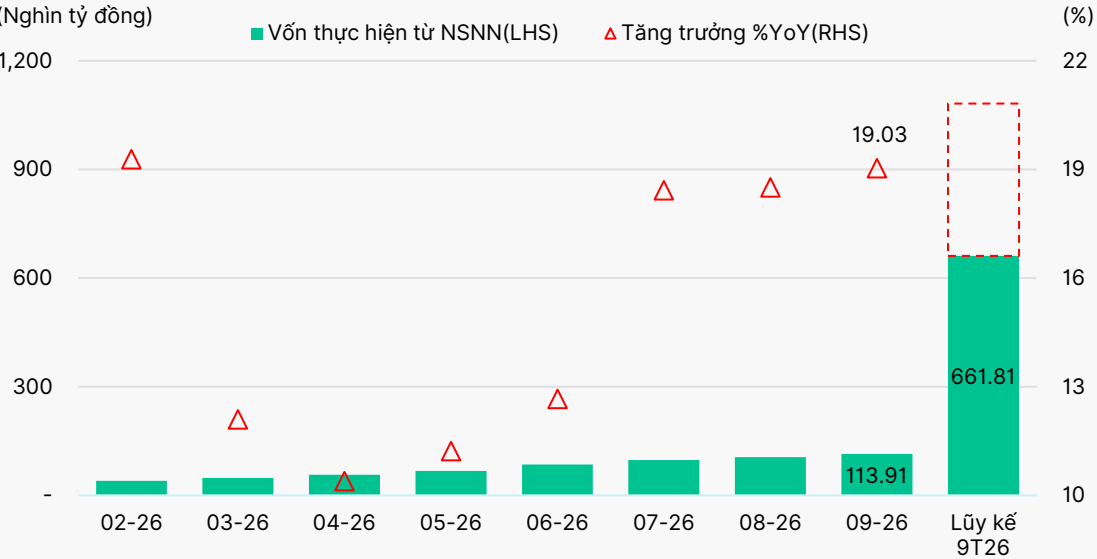
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tiếp tục tăng nhanh trong 9T26, đạt 661,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 59,9% kế hoạch năm và tăng 19,0% YoY. Trong đó, vốn địa phương đạt 564,8 nghìn tỷ đồng, tăng 20,9%, tiếp tục là động lực chính; vốn Trung ương đạt gần 97 nghìn tỷ đồng, tăng 9,1%.

Đà tăng của vốn thực hiện phản ánh việc khối lượng dự án bước vào giai đoạn thi công đang dần được chuyển hóa thành chi tiêu thực tế. Việc duy trì tốc độ giải ngân cao trong quý cuối năm sẽ tiếp tục hỗ trợ hoạt động xây dựng, sản xuất vật liệu và lan tỏa dòng tiền ngân sách vào nền kinh tế.

Kafi đánh giá xu hướng cải thiện của vốn đầu tư NSNN ngày càng rõ nét và kỳ vọng đầu tư công tiếp tục là một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng 4Q26.

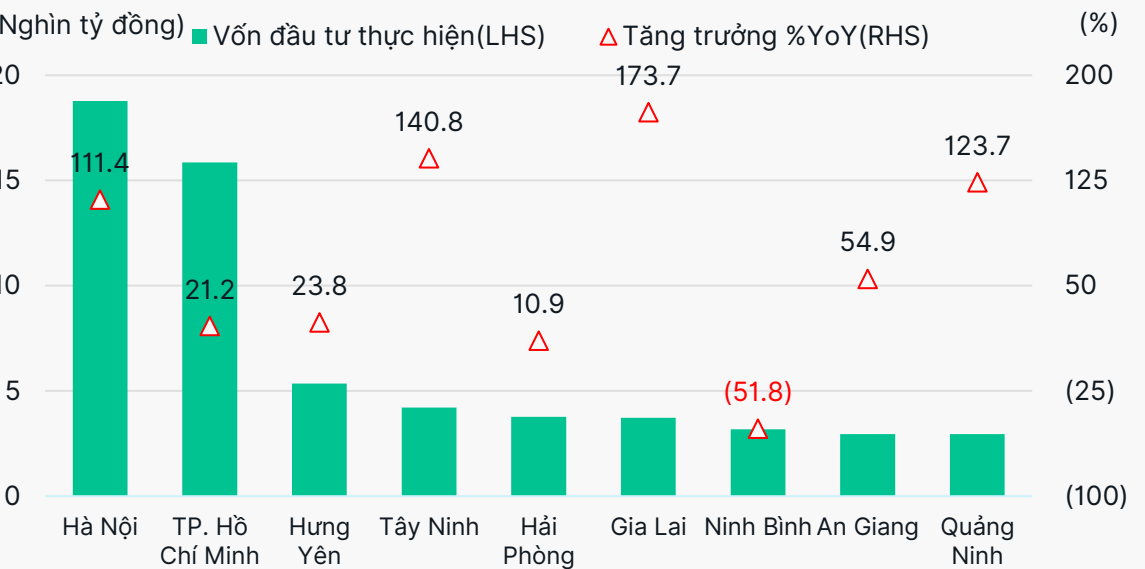
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN theo tháng và lũy kế 9T2026

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng, % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Vốn đầu tư thực hiện tại một số tỉnh, thành phố trong tháng 9

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: NSO, Kafi Research



Dòng vốn FDI

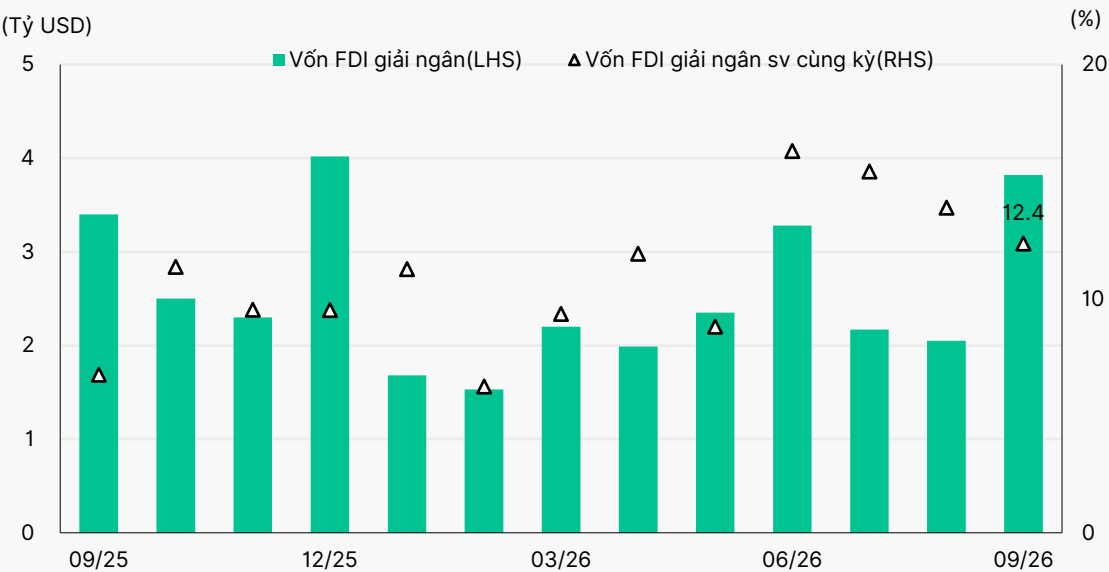
FDI tiếp tục là điểm sáng khi vốn đăng ký bùng nổ

Dòng vốn FDI tăng mạnh trong tháng 9, với vốn thực hiện ước đạt khoảng 3,82 tỷ USD, đưa lũy kế 9T26 lên 21,07 tỷ USD, tăng 12,1% YoY và là mức cao nhất của giai đoạn 9 tháng kể từ năm 2022. Tổng vốn đăng ký lũy kế đến cuối tháng 9 đạt 50,36 tỷ USD, tăng 76,4% YoY, tương ứng riêng tháng 9 tăng thêm khoảng 9,7 tỷ USD. Vốn đăng ký cấp mới đạt 29,24 tỷ USD, trong đó chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn nhất với 13,38 tỷ USD.

Kafi đánh giá FDI tiếp tục là điểm sáng khi cả vốn đăng ký và giải ngân duy trì ở mức cao, cho thấy niềm tin đầu tư và nhu cầu mở rộng năng lực sản xuất vẫn tích cực. Đặc biệt, tỷ trọng lớn của chế biến, chế tạo tiếp tục củng cố vai trò của FDI đối với tăng trưởng công nghiệp và xuất khẩu.

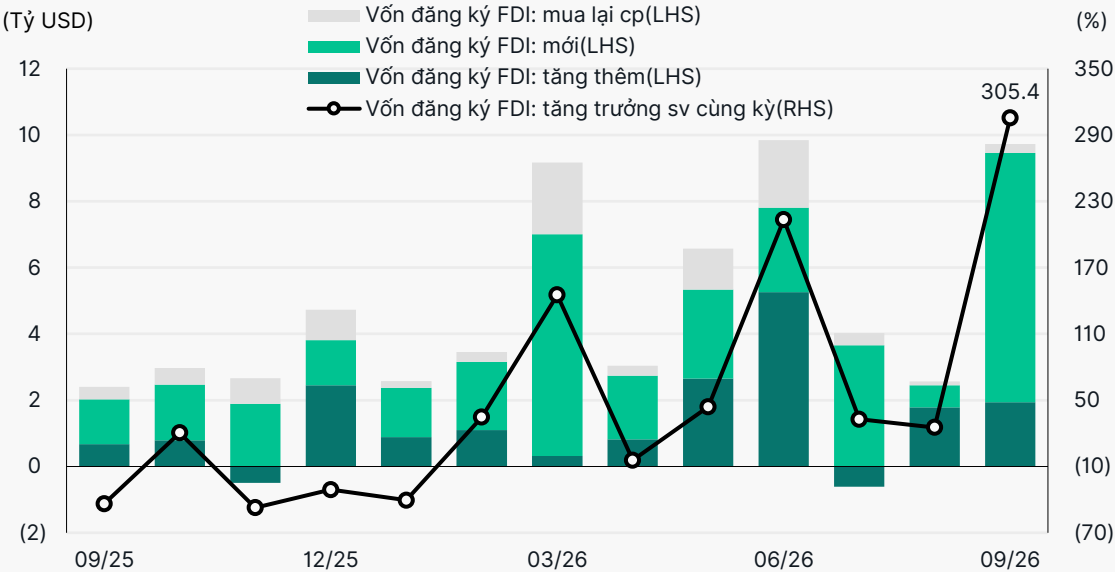
Vốn FDI giải ngân theo tháng

Đơn vị: Tỷ USD, % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Vốn FDI đăng ký theo tháng

Đơn vị: Tỷ USD, % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Cán cân thương mại

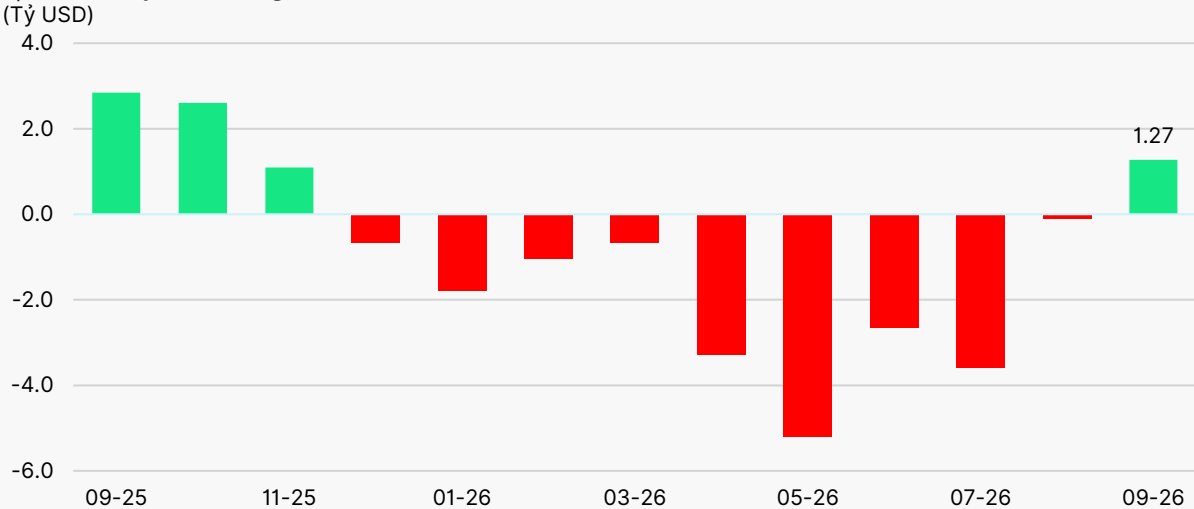
Cán cân thương mại tháng 9 ghi nhận thặng dư đầu tiên kể từ đầu năm, nhưng nhập siêu lũy kế vẫn ở mức cao

Hoạt động xuất nhập khẩu tăng tốc mạnh trong tháng 9, với tổng kim ngạch đạt 117,69 tỷ USD, tăng 7,3% MoM và 42,4% YoY. Đáng chú ý, cán cân thương mại chuyển sang xuất siêu 1,27 tỷ USD sau chín tháng liên tiếp nhập siêu.

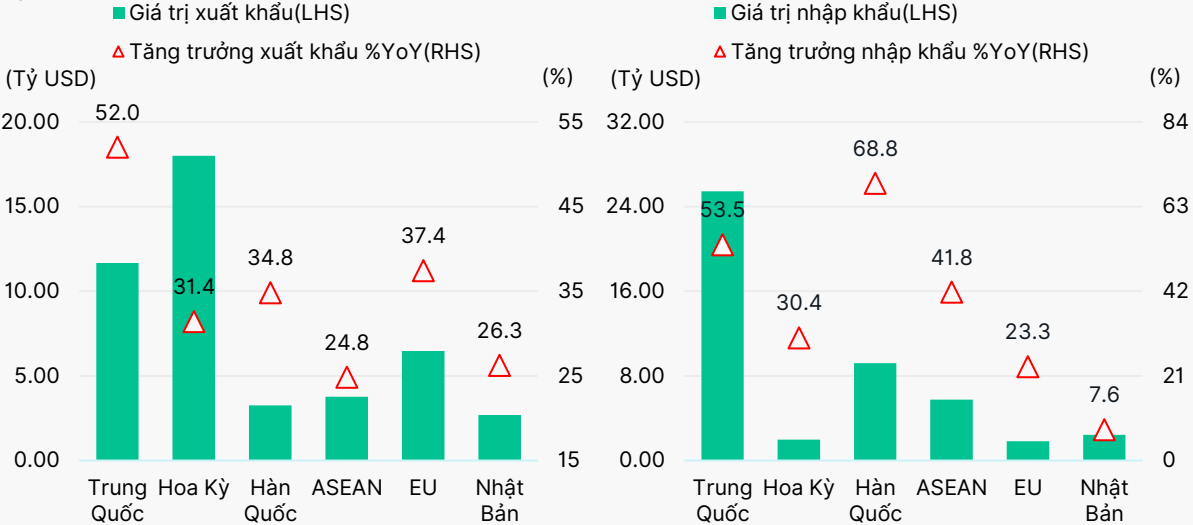
Cụ thể, xuất khẩu tăng 8,5% so với tháng trước và đạt lên 59,48 tỷ USD, trong khi nhập khẩu tăng 6,0% lên 58,21 tỷ USD. Lũy kế 9T26, xuất khẩu đạt 434,30 tỷ USD và ghi nhận mức tăng 24,5%, còn khi đó nhập khẩu đạt 453,72 tỷ USD, tăng 36,7%. Về tổng thể, cán cân thương mại vẫn duy trì trạng thái nhập siêu 19,42 tỷ USD kể từ đầu năm.

Kafi đánh giá việc cán cân thương mại trở lại thặng dư trong tháng 9 là tín hiệu tích cực, song chưa đủ để đảo ngược trạng thái nhập siêu lũy kế. Nhập khẩu tiếp tục tăng nhanh phản ánh nhu cầu đầu vào cho sản xuất và đầu tư cao, nhưng đồng thời duy trì áp lực lên nhu cầu ngoại tệ trong 4Q26.

Diễn biến cán cân thương mại theo tháng
Đơn vị: Tỷ USD – Nguồn: NSO, Kafi Research



Xuất/nhập khẩu hàng hóa theo các đối tác lớn
Đơn vị: Tỷ USD, % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Thị trường mở

NHNN quay lại rút ròng thanh khoản khi các NHTW lớn đồng loạt tăng lãi suất

Thanh khoản hệ thống biến động mạnh trong tháng 9 khi NHNN linh hoạt điều tiết lượng vốn qua thị trường mở nhằm ổn định lãi suất ngắn hạn. Sau giai đoạn hút ròng giữa tháng, NHNN quay lại hỗ trợ thanh khoản mạnh vào cuối tháng; riêng tuần 39 bơm ròng khoảng 39,9 nghìn tỷ đồng, đưa giá trị hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành lên khoảng 192,3 nghìn tỷ đồng.

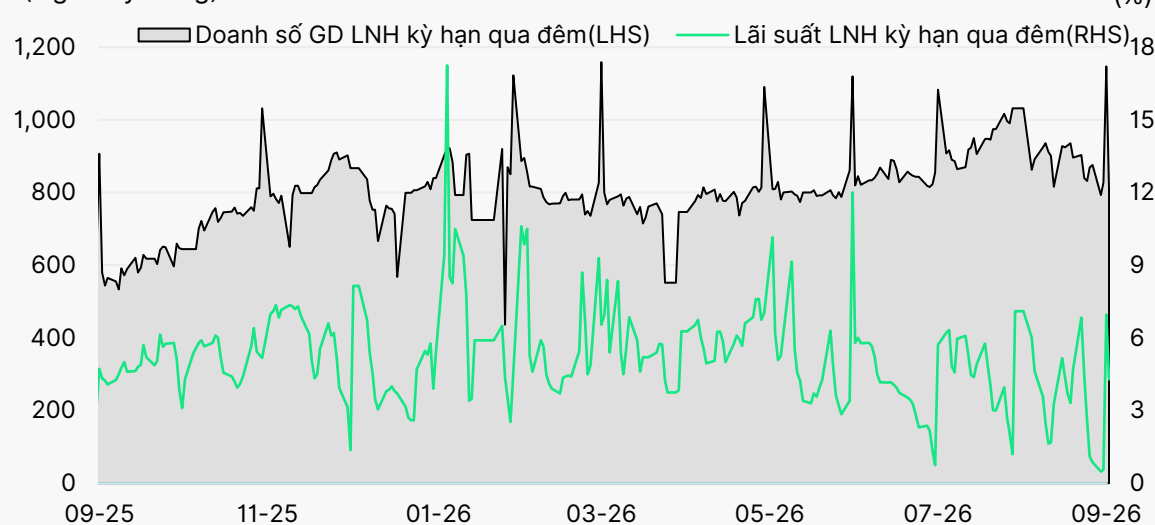
Việc bổ sung thanh khoản giúp lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt nhanh, với lãi suất qua đêm giảm xuống 0,87% vào cuối tháng sau những thời điểm tăng mạnh trước đó. Diễn biến này cho thấy NHNN tiếp tục điều tiết theo nhu cầu thanh khoản thực tế thay vì duy trì trạng thái bơm hoặc hút vốn cố định.

Kafi kỳ vọng NHNN tiếp tục điều tiết thanh khoản linh hoạt trong 4Q26, nhưng nhu cầu tín dụng cuối năm, áp lực huy động vốn và diễn biến tỷ giá có thể khiến mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tiếp tục biến động.

Thị trường liên ngân hàng

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng, % – Nguồn: Fiinpro, Kafi Research

(Nghìn tỷ đồng)

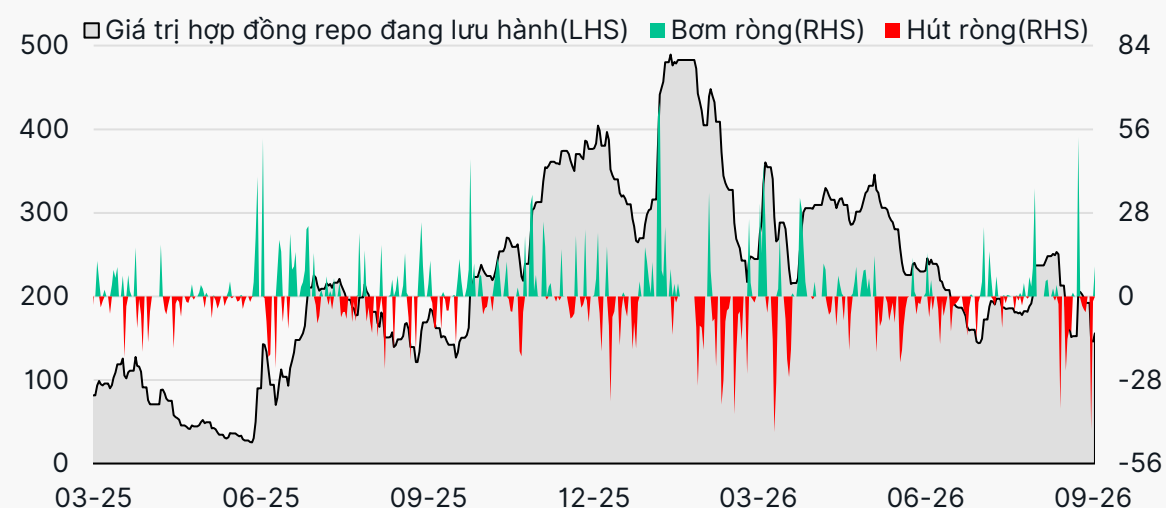


Thị trường mở

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: Fiinpro, Kafi Research

(Nghìn tỷ đồng)

(Nghìn tỷ đồng)



Tỷ giá

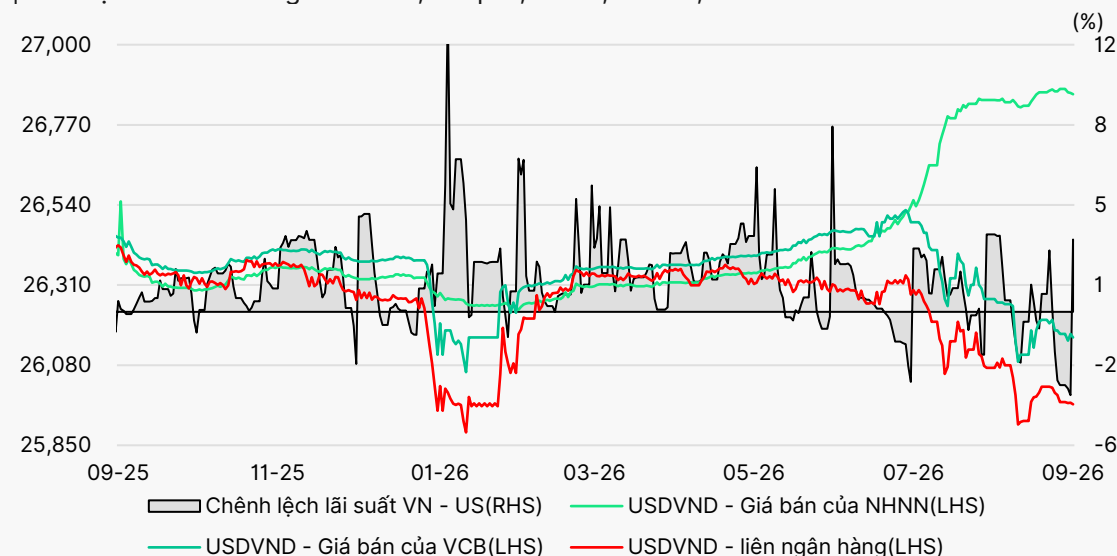
Áp lực tỷ giá đã hạ nhiệt nhưng có thể trở lại trong quý IV. Tuy nhiên, cán cân thương mại cải thiện và nguồn cung ngoại tệ cuối năm được kỳ vọng sẽ giúp USDVND duy trì trong vùng kiểm soát

USDVND hạ nhiệt đáng kể trong những tuần cuối tháng 9, nhưng áp lực tỷ giá có thể gia tăng trở lại trong 4Q26. Chu kỳ thắt chặt tiền tệ toàn cầu chưa kết thúc, trong đó thị trường vẫn kỳ vọng Fed có thể tiếp tục nâng lãi suất vào cuối năm nếu áp lực lạm phát duy trì. Trong nước, giá năng lượng cao đang làm gia tăng sức ép lạm phát, trong khi mục tiêu tăng trưởng cao trong quý cuối năm kéo theo nhu cầu tín dụng và ngoại tệ lớn hơn, qua đó có thể thu hẹp dư địa duy trì chênh lệch lãi suất thuận lợi cho VND.

Dù vậy, Kafi kỳ vọng áp lực tỷ giá vẫn nằm trong khả năng kiểm soát. Cán cân thương mại đã trở lại thặng dư trong tháng 9 và được kỳ vọng tiếp tục cải thiện trong giai đoạn cuối năm, trong khi nguồn cung ngoại tệ từ FDI, kiều hối theo mùa và sự cân bằng tốt hơn của cung cầu ngoại tệ trong nước có thể tạo thêm bộ đệm cho VND. Qua đó, tỷ giá nhiều khả năng tiếp tục biến động nhưng chưa trở thành yếu tố gây sức ép đáng kể lên các động lực tăng trưởng trong 4Q26.

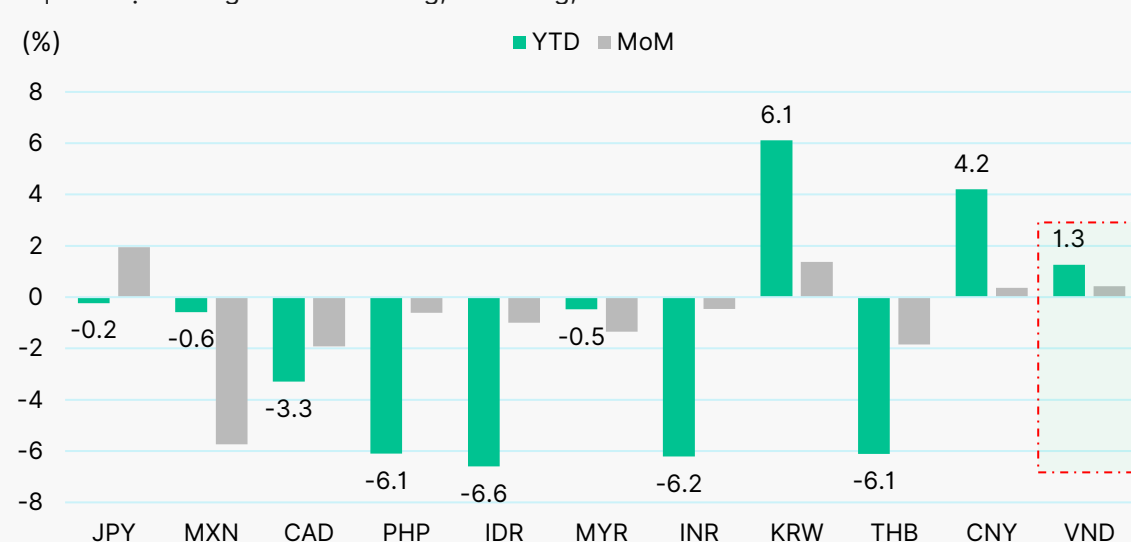
Diễn biến tỷ giá trong nước

| Đơn vị: USDVND – Nguồn: VCB, Fiiipro, FRED, NHNN, Kafi Research



Biến động của các đồng tiền toàn cầu

| Đơn vị: % – Nguồn: Bloomberg, Investing, Kafi Research



*Chênh lệch lãi suất VN – US là phần chênh lệch lãi suất qua đêm của Việt Nam và SOFR của Mỹ

Tổng hợp các chỉ số vĩ mô

Cấu phần vĩ mô	Đơn vị	09-25	10-25	11-25	12-25	01-26	02-26	03-26	04-26	05-26	06-26	07-26	08-26	09-26
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	% MoM	0.1%	2.4%	2.3%	2.2%	-0.2%	-18.5%	18.8%	3.0%	3.3%	3.5%	1.2%	1.5%	3.3%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	% YoY	13.6%	10.8%	10.8%	10.1%	21.5%	1.0%	6.9%	9.9%	8.8%	12.7%	14.5%	14.4%	16.7%
Chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI	Điểm	50.4	54.5	53.8	53.0	52.5	54.3	51.2	50.5	52.8	51.8	52.9	53.3	51.9
Tổng mức bán lẻ hàng hóa YTD	Triệu tỷ	5.2	5.8	6.4	7.0	0.6	1.3	1.9	2.5	3.2	3.9	4.5	5.2	5.9
Tăng trưởng bán lẻ lũy kế	% YoY	10.6%	10.3%	10.0%	9.8%	7.7%	9.8%	10.4%	10.7%	11.3%	11.8%	12.2%	13.3%	12.7%
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	% YoY	3.4%	3.2%	3.6%	3.5%	2.5%	3.4%	4.7%	5.5%	5.6%	4.7%	4.4%	4.9%	5.1%
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	% MoM	0.4%	0.2%	0.5%	0.2%	0.1%	1.1%	1.2%	0.8%	0.3%	-0.4%	-0.1%	0.5%	0.6%
Tổng giá trị xuất khẩu lũy kế	Tỷ USD	347.56	389.61	428.68	472.71	43.19	76.25	122.68	168.20	215.13	265.92	319.00	374.84	434.27
Giá trị xuất khẩu theo tháng	Tỷ USD	42.67	42.05	39.07	44.03	43.19	33.06	46.44	45.52	46.93	50.79	53.08	54.79	59.48
Tổng giá trị nhập khẩu lũy kế	Tỷ USD	331.66	371.11	409.09	453.78	44.97	79.08	126.19	174.99	227.13	280.56	337.23	395.30	453.72
Giá trị nhập khẩu theo tháng	Tỷ USD	39.82	39.45	37.98	44.69	44.97	34.10	47.11	48.80	52.14	53.43	56.67	54.91	58.21
Cán cân thương mại lũy kế	Tỷ USD	15.89	18.50	19.59	18.93	-1.78	-2.83	-3.51	-6.79	-12.00	-14.64	-18.23	-20.46	-17.07
Cán cân thương mại theo tháng	Tỷ USD	2.85	2.60	1.09	-0.66	-1.78	-1.05	-0.68	-3.28	-5.21	-2.64	-3.59	-0.11	1.27
Tăng trưởng xuất khẩu lũy kế	% YoY	17.1%	17.2%	17.1%	17.7%	30.5%	18.8%	19.5%	20.0%	19.7%	21.3%	22.0%	22.6%	24.7%
Tăng trưởng nhập khẩu lũy kế	% YoY	19.2%	19.0%	18.7%	19.6%	49.6%	26.1%	26.7%	28.2%	29.4%	32.2%	33.7%	35.3%	35.8%

Nguồn: NSO, S&P Global, Kafi Research

Tổng hợp các chỉ số vĩ mô

Cấu phần vĩ mô	Đơn vị	09-25	10-25	11-25	12-25	01-26	02-26	03-26	04-26	05-26	06-26	07-26	08-26	09-26
FDI đăng ký lũy kế	Tỷ USD	28.54	31.52	33.69	38.42	2.58	6.03	15.20	18.24	24.81	34.65	38.06	40.63	50.36
FDI đăng ký theo tháng	Tỷ USD	2.40	2.98	2.17	4.73	2.58	3.45	9.17	3.04	6.57	9.84	3.41	2.57	9.73
FDI thực hiện lũy kế	Tỷ USD	18.80	21.30	23.60	27.62	1.68	3.21	5.41	7.40	9.75	13.03	15.20	17.25	21.07
FDI thực hiện theo tháng	Tỷ USD	3.40	2.50	2.30	4.02	1.68	1.53	2.20	1.99	2.35	3.28	2.17	2.05	3.82
Tăng trưởng FDI đăng ký lũy kế	% YoY	15.2%	15.6%	7.4%	0.5%	-40.6%	-12.6%	42.9%	32.0%	35.0%	61.0%	58.0%	55.4%	76.5%
Tăng trưởng FDI thực hiện lũy kế	% YoY	8.5%	8.8%	8.9%	9.0%	11.3%	8.8%	9.0%	9.8%	9.6%	11.2%	11.8%	12.0%	12.1%
Tỷ giá ngoại tệ (VCB bán)	USD/VND	26,446	26,347	26,412	26,377	26,110	26,230	26,357	26,368	26,395	26,466	26,490	26,260	26,160
Tăng trưởng tín dụng	% YTD	13.4%	15.1%	15.6%	19.0%	N/A	1.4%	3.2%	4.4%	5.7%	7.7%	8.9%	9.1%	10.9%
Lãi suất huy động trung bình	%/năm	4.9%	4.9%	4.9%	5.0%	5.1%	5.2%	5.5%	5.6%	5.7%	5.9%	6.0%	6.0%	6.0%
Lãi suất cho vay trung bình	%/năm	8.9%	9.0%	8.9%	9.0%	9.3%	9.4%	9.7%	10.0%	10.1%	10.5%	10.5%	10.5%	10.5%

Nguồn: NSO, VCB, Fiinpro-X, Kafi Research

Tổng hợp các văn bản được ban hành trong tháng 9

Văn bản	Lĩnh vực	Ngày ban hành	Nội dung chính
TT 47/2026/TT-BCT	Hàng hóa phái sinh	3/9/2026	Chuẩn hóa hồ sơ thành lập Sở giao dịch hàng hóa, chế độ báo cáo và kết nối dữ liệu giao dịch theo thời gian thực.
NQ 66.25/2026/NQ-CP	KCN, khoáng sản	4/9/2026	Điều chỉnh đầu mối quản lý KCN, địa chất và khoáng sản; hồ sơ đang xử lý được chuyển tiếp, không yêu cầu doanh nghiệp thực hiện lại.
NQ 263/NQ-CP	Du lịch	7/9/2026	Triển khai chương trình đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy hạ tầng, số hóa, kinh tế đêm và sản phẩm giá trị cao.
NĐ 349/2026/NĐ-CP	Đấu thầu	9/9/2026	Nới một số hạn mức chỉ định thầu, rút ngắn thời gian lấy báo giá và tăng minh bạch báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
CV 8509/NHNN-CSTT	Ngân hàng, BĐS	16/09/2026	Loại phần dư nợ tăng thêm của khách sạn, khu nghỉ dưỡng và một số BĐS du lịch khỏi dư nợ BĐS dùng để kiểm soát tăng trưởng tín dụng năm 2026.
NĐ 359/2026/NĐ-CP	Ngân hàng, nợ xấu	17/09/2026	Thiết lập lại khung hoạt động của VAMC, gồm mua bán và xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm, mua nợ theo giá thị trường và trái phiếu đặc biệt.
QĐ 1809/QĐ-TTg	Ngân hàng	18/09/2026	Đề án hiện đại hóa hệ thống ngân hàng, xử lý TCTD yếu kém và tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, đặc biệt DNNVV.
NQ 278/NQ-CP	Đất đai, BĐS	18/09/2026	Yêu cầu hoàn thiện Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh BĐS sửa đổi; tập trung vào giá đất, dự án tồn đọng và thủ tục đất đai.
NQ 280/NQ-CP	FDI	22/09/2026	Chuyển trọng tâm sang FDI chất lượng cao, kinh tế xanh, kinh tế số, chuyển giao công nghệ và liên kết với doanh nghiệp trong nước.
NĐ 365/2026/NĐ-CP	Xuất nhập khẩu gạo	23/09/2026	Giảm điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo, đơn giản hóa báo cáo và tạo thuận lợi hơn cho các phân khúc gạo giá trị cao.
TT 47/2026/TT-NHNN	Ngân hàng, thanh toán	24/09/2026	Sửa khung giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng và hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
TT 49/2026/TT-NHNN	Ngân hàng	30/09/2026	Sửa đổi quy định về hoạt động tư vấn của TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cập nhật phạm vi và yêu cầu khi cung cấp dịch vụ tư vấn.
TT 50/2026/TT-NHNN	Ngân hàng, thanh khoản	30/09/2026	Nâng trần LDR từ 85% lên 95%, thay đổi cách tính LDR và đưa LCR, NSFR, LEV vào lộ trình quản trị an toàn theo hướng Basel III.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("KAFI"). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố theo nhận thức tốt nhất của KAFI. KAFI không chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ hay tính cập nhật của những thông tin này. Một số đường dẫn báo cáo này có thể liên kết với những trang web khác do các bên thứ ba quản lý, không thuộc quyền kiểm soát của KAFI. KAFI không đưa ra phát biểu nào về tính chính xác hoặc về bất kỳ khía cạnh nào khác của những thông tin đăng tải trên các trang web đó.

Các quan điểm, khuyến nghị trong báo cáo này được KAFI đưa ra sau khi xem xét kỹ càng, cẩn thận và dựa trên nhận thức tốt nhất cũng như trên cơ sở nỗ lực đem lại một quan điểm mang tính chất tham khảo cho nhà đầu tư. Những quan điểm, khuyến nghị này có thể thay đổi mà KAFI không cần thông báo trước hay có trách nhiệm cập nhật liên tục các thay đổi này.

Không một thông tin cũng như khuyến nghị nào trong báo cáo này được trình bày nhằm mục đích mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Việc sử dụng bất kỳ nội dung, thông tin nào trong báo cáo này sẽ do các nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu hoàn toàn trách nhiệm và rủi ro. Các nhà đầu tư cần hiểu rõ kết quả đầu tư có thể phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan và hoàn toàn nằm ngoài khả năng nhận biết, dự đoán hoặc kiểm soát của KAFI. Do vậy, các nhà đầu tư nên xem xét mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về vấn đề tài chính, thuế, pháp lý và các khía cạnh khác trước khi thực hiện giao dịch đối với bất kỳ chứng khoán nào của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này.

KAFI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các sai sót, bỏ sót hoặc hệ quả nào từ việc sử dụng các thông tin, áp dụng các khuyến nghị trong báo cáo này. Trong mọi trường hợp, KAFI cùng các đơn vị hợp danh hoặc pháp nhân hoặc thành viên, đại lý hoặc nhân viên của KAFI sẽ không chịu trách nhiệm đối với các nhà đầu tư hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào từ bất kỳ quyết định hoặc hành động nào được thực hiện dựa vào những thông tin, khuyến nghị trong báo cáo này hoặc bất kỳ thiệt hại mang tính hệ quả, cụ thể hoặc thiệt hại tương tự thậm chí trong trường hợp KAFI đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại đó.

Báo cáo này là sản phẩm thuộc quyền sở hữu của KAFI, không bên nào được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông (toàn bộ hoặc một phần) nội dung báo cáo mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KAFI.